

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2024/DS-ST  
Ngày: 30/9/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp  
hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Mai Trần Phúc;
- Bà Nguyễn Xuân Thủy.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Vương Lê Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233A/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* bà Trần Thị N, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, T (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

*- Bị đơn:* chị Phan Thị V, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Trần Thị N trình bày:*

Bà là chủ thảo hụi và chị Phan Thị V là hụi viên có tham gia góp nhiều dây hụi do bà làm chủ hụi. Chị V đã hốt hết các phần hụi. Chị V tham gia bao nhiêu phần hụi, trong các phần hụi cụ thể như thế nào thì bà không nhớ cụ thể do hụi mãi lâu quá rồi, sổ sách theo dõi hụi bà không còn lưu giữ.

Đến ngày 06/9/2021, thì bà và chị V có gặp nhau chốt lại số tiền hụi chết chị V

còn nợ lại của bà là 302.950.000 đồng. Chữ viết ghi nội dung, chữ ký Phan Thị V trong giấy chốt hui là do chị V viết và ký tên của chị Phan Thị V. Nội dung ngày 28/6/2024 chốt số tiền hui thiếu là do chị Dương Thúy D con gái bà N viết. Người có tên di hai là tên của bà ở nhà do bà là thứ 2.

Sau khi chốt hui ngày 06/9/2021 âm lịch đến ngày 28/6/2024, chị V trả cho bà 30.000.000 đồng, số tiền chị V còn nợ lại bà là 272.950.000 đồng, nhưng bà chỉ chốt lại với chị V là chị V còn nợ lại bà là 270.000.000 đồng. Hai bên chốt nợ với nhau và ghi tiếp vào giấy chốt nợ đề ngày 06/9/2021. Ngoài ra chị V không vay mượn của bà khoản tiền nào khác, chị V không thiếu nợ của bà khoản tiền hui nào khác.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị V trả lại cho bà số tiền hui chết chị V còn nợ lại của bà là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Bà không yêu cầu chị V trả lãi. Về án phí bà đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này bà không có yêu cầu khởi kiện bổ sung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phan Thị V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ và lời khai nên không có lời khai, lời trình bày.

*Tại phiên tòa:* bà N, chị V vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nhan . Buộc chị Phan Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền hui chết là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phan Thị V, cư trú tại: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh có

nghĩa vụ trả cho bà số tiềnhui chết 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng; đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: tại phiên toà nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị V đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, chị V.

[3] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị V trả số tiền hui chết 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng thấy rằng.

Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền hui chết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giao nộp giấy chốt hui đề ngày 28/6/2024 (bút lục 30), nội dung “Chị V còn nợ lại bà N số tiền hui 270.000.000 đồng”, bà N cho rằng toàn bộ chữ ký, chữ viết nội dung trong giấy chốt hui là của chị V. Người có tên di 2 trong giấy chốt hui là tên của bà do bà là con thứ 2 trong gia đình nên tên thường gọi của bà là di 2. Người có tên Út D1 trong giấy chốt hui là tên của con gái của bà N tên Dương Thúy D có mối quan hệ bạn bè với chị V.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị V nhưng chị V không đến Tòa án để cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của nguyên đơn có căn cứ cho rằng chị V còn nợ lại bà N số tiền hui chết 270.000.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” đối với chị Phan Thị V.**

Buộc chị Phan Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền hui chết 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Phan Thị V phải chịu 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, đã nộp theo biên lai thu số 0009531 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự:** người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Ngân**